

An Giang, ngày 14 tháng 5 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước xuống chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước xuống chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước ít biến đổi. Mực nước cao nhất cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-40cm..
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): mực nước ít biến đổi. Mực nước cao nhất ngày 13/5 cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 10-45cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các sông, kênh, rạch biến đổi chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 13/5 thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 05-15cm, phổ biến cao hơn TBNN từ 05-20cm.
- Khu vực cửa sông: Mực nước xuống chậm, đỉnh triều tại trạm Xẻo Rô ở mức thấp.

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: mực nước trên các sông, kênh có xu thế lên chậm trong 2 ngày đầu, sau lên nhanh.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: mực nước có xu thế lên chậm trong 2 ngày đầu, sau lên nhanh.
- Khu vực nội đồng TGLX: mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch xuống chậm trong 1-2 ngày đầu, sau lên nhanh theo triều và mưa nội đồng.
- Vùng cửa sông: Đỉnh triều trên sông Cái Lớn - Cái Bé lên lại theo kỳ triều cường và đạt đỉnh vào ngày 19/05.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Mặn trên các sông, kênh theo triều xâm nhập sâu vào nội đồng.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nội đồng trên các sông, kênh ảnh hưởng đến cây trồng và nguồn nước sinh hoạt, tưới tiêu.

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên website:

<http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày

15/5/2026

Tin phát lúc: 11h30'

Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin

Nguyễn Thị Cẩm Loan

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ (cm)			Giá trị ngày		So với		So với cùng kỳ 2025		So với TBNN		Dự báo				
		BĐ I	BĐ II	BĐ III	13/05		12/05						14/05	15/05	16/05	17/05	18/05
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	126	-3	▼	11	▲	33	▲	129	132	142	149	155
					Hmin	-13	-1	▼	23	▲	1	▲	-10	-25	-35	-40	-40
Ông Chương	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	135	2	▲	14	▲	44	▲	138	141	151	158	164
					Hmin	-20	6	▲	30	▲	24	▲	-17	-32	-42	-47	-47
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	121	2	▲	25	▲	25	▲	124	127	137	144	150
					Hmin	30	2	▲	19	▲	11	▲	33	28	23	28	33
	Châu Đốc	300	350	400	Hmax	138	2	▲	5	▲	41	▲	141	144	154	161	167
					Hmin	-18	3	▲	17	▲	4	▲	-15	-30	-40	-45	-45
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	148	2	▲	8	▲	51	▲	151	154	164	171	177
					Hmin	-16	5	▲	29	▲	38	▲	-13	-28	-38	-43	-43
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	136	1	▲	10	▲	41	▲	139	142	152	159	165
					Hmin	-19	6	▲	28	▲	16	▲	-16	-31	-41	-46	-46
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	29	1	▲	-14	▼	0	◀▶	31	33	37	47	57
					Hmin	6	4	▲	-6	▼	2	▲	8	6	4	14	29
	Vĩnh Gia	200	240	280	Hmax	27	1	▲	-7	▼	4	▲	26	25	29	39	54
					Hmin	22	6	▲	-1	▼	3	▲	20	19	18	23	33
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	32	1	▲	-9	▼	-7	▼	31	30	34	44	59
					Hmin	27	7	▲	-3	▼	-4	▼	25	24	23	28	38
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	34	1	▲	-9	▼	-1	▼	33	32	36	46	61
					Hmin	30	7	▲	-2	▼	2	▲	28	27	26	31	41
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	41	1	▲	-7	▼	0	◀▶	40	39	43	53	68
					Hmin	37	7	▲	-1	▼	4	▲	35	34	33	38	48
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	34	-1	▼	-13	▼	3	▲	36	38	42	52	62
					Hmin	6	1	▲	-12	▼	-2	▼	8	6	4	14	29
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	54	-3	▼	-5	▼	22	▲	52	50	52	62	72
					Hmin	38	4	▲	-5	▼	16	▲	39	36	33	41	51
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	41	-2	▼	-9	▼	-5	▼	39	37	39	49	59
					Hmin	30	2	▲	-10	▼	-4	▼	31	28	25	33	43
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	40	-1	▼	9	▲	23	▲	38	36	38	48	58
					Hmin	30	3	▲	11	▲	20	▲	31	28	25	33	43
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	70	-3	▼	-4	▼	20	▲	68	66	68	78	88
					Hmin	51	1	▲	-4	▼	18	▲	52	49	46	54	64
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	Hmax	90	0	◀▶	-6	▼	24	▲	92	94	98	108	118
					Hmin	42	1	▲	-2	▼	11	▲	44	42	40	50	65
RG-LX	Núi Sập	140	180	220	Hmax	60	-2	▼	-9	▼	5	▲	58	56	58	68	78
					Hmin	36	2	▲	-7	▼	1	▲	37	34	31	39	49

RG-LX	Tân Thành	120	150	180	Hmax	47	-4	▼	-10	▼	-4	▼	45	43	45	55	65
					Hmin	35	2	▲	-6	▼	-1	▼	36	33	30	38	48
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	Hmax	33	-3	▼	-9	▼	0	◀▶	31	29	31	41	51
					Hmin	23	1	▲	-5	▼	9	▲	24	21	18	26	36
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	Hmax	21	0	◀▶	-3	▼	-6	▼	23	25	27	32	37
					Hmin	11	3	▲	13	▲	36	▲	0	-1	-3	-5	5
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	Hmax	31	-4	▼	-13	▼	-3	▼	46	59	69	76	80
					Hmin	-21	-5	▼	19	▲	16	▲	-24	-27	-30	-33	-36

Chú thích: ▲ Cao hơn; ▼ Thấp hơn; ◀▶ Xấp xỉ;

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm





